

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thanh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 07:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây

dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thanh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thanh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000,

Theo đề nghị của Ban Quản lý Các khu công nghiệp và thẩm định của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thanh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000 với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thanh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch:

- Vị trí: Khu vực lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Mỹ Thanh thuộc ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Phạm vi, ranh giới khu đất:

+ Phía Bắc giáp với Đường huyện 43 (nay là Đường tỉnh 937B) và sông Mỹ Thanh;

+ Phía Đông giáp với đất dân cư và Quốc lộ 91B;

+ Phía Tây giáp với kênh thủy lợi;

+ Phía Nam giáp với đất nuôi trồng thủy sản;

- Quy mô: Diện tích khu vực lập quy hoạch: 221,61ha, bao gồm:

+ Khu vực thực hiện dự án Khu công nghiệp Mỹ Thanh là 217ha.

+ Đất hạ tầng đối ngoại là 4,61ha (bao gồm: đất giao thông đối ngoại là 1,13ha; đất hành lang bảo vệ kênh thủy lợi là 2,29ha và đất mặt nước đoạn kênh đào đầu nối với sông Mỹ Thanh là 1,19ha).

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Là khu công nghiệp tập trung đa ngành với định hướng thu hút các dự án đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế sau:

+ Các ngành công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, điện khí, logistics,...

- + Chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy sản;
- + Công nghiệp cơ khí, sửa chữa, chế tạo máy móc, động cơ, trang thiết bị phục vụ nuôi trồng, khai thác biển và các ngành kinh tế biển khác...
- + Sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất đồ gỗ, thiết bị nội thất,...
- + Sản xuất bao bì các loại và các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ sản xuất, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.
- + Một số lĩnh vực khác đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường theo định hướng của tỉnh.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản của đồ án quy hoạch:

4.1. Quy mô dân số và lao động:

- Dự báo quy mô lao động trong khu vực nghiên cứu quy hoạch khoảng 14.000 - 17.000 lao động.
- Dự báo quỹ đất xây dựng nhà ở cho người lao động với quy mô khoảng 5ha.

4.2. Các chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Giao thông: $\geq 10\%$ diện tích khu công nghiệp.
- Cây xanh: $\geq 10\%$ diện tích khu công nghiệp.
- Các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$ diện tích khu công nghiệp.

4.3. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp điện:
 - + Cấp điện hành chính dịch vụ: 30 W/m² sàn.
 - + Cấp điện công nghiệp: ≥ 250 kW/ha.
- Cấp nước:
 - + Nước công trình hành chính và dịch vụ: ≥ 2 lít/m² sàn/ngày đêm.
 - + Nước phục vụ sản xuất công nghiệp: ≥ 40 m³/ha/ngày đêm.
 - Tỷ lệ nước thải được thu gom: $\geq 80\%$ tiêu chuẩn cấp nước.
 - Chất thải rắn: Đảm bảo tỷ lệ thu gom theo quy định; chỉ tiêu chất thải rắn phát sinh $\geq 0,3$ tấn/ha và theo dây chuyền công nghệ của từng loại hình công nghiệp; chất thải rắn nguy hại phải được phân loại, thu gom và xử lý riêng.

5. Định hướng quy hoạch phân khu:

5.1. Tổ chức quy hoạch phân khu chức năng:

Định hướng quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Mỹ Thanh gồm các phân khu như sau:

a) Sản xuất công nghiệp, kho bãi:

- Là các lô đất xây dựng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, kho bãi,

xưởng dịch vụ, logistics; được bố trí thành 10 khu dọc theo các tuyến đường nội bộ của khu công nghiệp; với tổng diện tích là 150,35ha.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất là 70%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 2,8.

+ Tầng cao xây dựng tối đa 04 tầng (không kể tầng cao các hạng mục đặc thù phục vụ kỹ thuật của các dây chuyền công nghệ sản xuất).

+ Khoảng lùi công trình là 10m đối với tuyến đường D1, đường N1 và 5m đối với các tuyến đường còn lại.

+ Chiều cao thông thủy tùy thuộc vào công nghệ và nhu cầu thực tế.

+ Tỷ lệ cây xanh trong từng nhà máy, kho bãi, xưởng dịch vụ đạt tối thiểu 20%.

+ Cao độ nền không chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,95m.

+ Diện tích từng phân lô tùy theo nhu cầu sử dụng thực tế của nhà đầu tư mà đơn vị quản lý bố trí cho phù hợp.

b) Hành chính, dịch vụ:

- Là các lô đất xây dựng khu hành chính (các công trình điều hành, quản lý, cơ sở lưu trú phục vụ tạm trú của chuyên gia, người lao động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các công trình trụ sở khác... và doanh trại đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy) và khu dịch vụ (khu dịch vụ hậu cần phục vụ khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ,... không bao gồm dịch vụ du lịch); được bố trí dọc các đường D1, đường N1 đấu nối ra Quốc lộ 91B, Đường tỉnh 937B; với tổng diện tích là 12,28ha.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng tối đa là 40%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa 1,6.

+ Tầng cao tối đa là 04 tầng.

+ Chiều cao thông thủy tùy thuộc vào chức năng và yêu cầu kỹ thuật của từng loại công trình.

+ Khoảng lùi công trình là 10m đối với tuyến đường D1, đường N1 và 5,0m đối với các tuyến đường còn lại.

+ Cao độ nền không chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,95m.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Là các lô đất xây dựng công trình xử lý nước thải, công trình cấp điện và công trình cấp nước; được bố trí trên đường D3 và đường D5; với tổng diện tích là 5,19ha.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất được quy định cụ thể như sau:

+ Mật độ xây dựng tối đa là 60%.

- + Hệ số sử dụng đất tối đa 1,2.
- + Tầng cao tối đa là 02 tầng.
- + Chiều cao thông thủy tùy thuộc vào yêu cầu kỹ thuật của từng loại công trình.
- + Khoảng lùi công trình là 5,0m.
- + Cao độ nền không chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: +2,95m.

d) Cây xanh, mặt nước:

- Là các lô đất bố trí cây xanh, công viên tập trung trên đường D1 và đường N1, cây xanh cách ly giáp ranh khu công nghiệp và mặt nước kênh thủy lợi hiện trạng hai bên đường D1; với tổng diện tích là 22,39ha.

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của lô đất bố trí cây xanh được quy định cụ thể như sau:

- + Mật độ xây dựng tối đa là 5%.
- + Tầng cao tối đa là 01 tầng.

+ Trong khu vực cây xanh cách ly chỉ được xây dựng các công trình đường giao thông, bãi đỗ xe, công trình cấp điện, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ, trạm bơm nước thải, không được phép xây dựng các công trình dân dụng.

e) Giao thông:

Hệ thống giao thông, bến xe, âu thuyền. Tổng diện tích là 26,79ha.

- Hệ thống giao thông đảm bảo quy mô, cấp đường, loại đường theo quy định.

- Bãi xe: Phục vụ nhu cầu đậu xe trong khu công nghiệp.

- Âu thuyền: Phục vụ nhu cầu neo đậu tàu thuyền, lên xuống hàng hóa cho khu công nghiệp.

5.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Khu công nghiệp được tổ chức theo mô hình một khu công nghiệp xanh, sạch, đẹp, hiện đại; tổ chức không gian linh hoạt, thuận tiện cho hoạt động sản xuất của khu công nghiệp, hạn chế ảnh hưởng môi trường và cảnh quan chung của khu vực xung quanh; đảm bảo tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà đề án đã đề ra; công trình kiến trúc có hình thức và màu sắc hài hòa trong tổng thể khu công nghiệp.

- Các trục không gian chính của khu công nghiệp:

+ Hai trục đường là đường D1 đầu nối vào đường Quốc lộ 91B và đường N1 đầu nối vào Đường tỉnh 937B là các trục giao thông chính và là các trục không gian chính của khu công nghiệp.

+ Tổ chức các trục không gian chính đảm bảo tính thẩm mỹ cao với hệ thống điện chiếu sáng hiện đại, kết hợp cây xanh cảnh quan dọc theo các trục đường này tạo điểm nhấn cho khu công nghiệp.

- Không gian mở, không gian công cộng, khu vực điểm nhấn:

+ Khu công nghiệp sẽ được quy hoạch với hai công viên chính dọc đường D1 và một công viên sẽ nằm trên đường N1. Các công viên sẽ tạo nên điểm nhấn cho toàn bộ khu vực, đem lại không gian xanh và thoáng mát cho cảnh quan khu công nghiệp. Trong đó, công viên trên đường D1 kết nối trực tiếp với Quốc lộ 91B, sẽ trở thành điểm nhấn tại cổng chính khu công nghiệp. Công viên trên đường N1 nằm tại trung tâm khu công nghiệp, tạo nên không gian mở, không gian công cộng cho người lao động trong Khu công nghiệp và là một điểm nhấn cảnh quan nổi bật tại khu vực trung tâm khu công nghiệp.

+ Khu hành chính, dịch vụ nằm dọc các đường D1, N1 đầu nối ra Quốc lộ 91B, Đường tỉnh 937B sẽ tạo điểm nhấn kiến trúc cho toàn bộ khu vực. Với không gian kiến trúc cảnh quan được tạo lập từ các tòa nhà văn phòng, thương mại, tài chính có hình thức kiến trúc hiện đại, thẩm mỹ, thích dụng và bền vững.

- Khu sản xuất công nghiệp:

+ Các ngành công nghiệp được bố trí trong khu công nghiệp phân theo mức độ khả năng gây ô nhiễm, được tổ chức cây xanh cách ly xung quanh các lô đất công nghiệp để đảm bảo vệ sinh môi trường và tôn tạo cảnh quan.

+ Hình thức kiến trúc tùy thuộc dây chuyền công nghệ nhưng phải có sự đồng bộ, hài hòa trong tổng thể toàn khu, kết hợp cây xanh sân vườn nội bộ để tạo cảnh quan và cải thiện vi khí hậu.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT				
STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
A	DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP		217,00	100,00
I	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng, logistics)		150,35	69,29
1	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô A	A	22,21	10,24
2	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô B	B	22,33	10,29
3	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô C	C	9,00	4,15
4	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô D	D	13,36	6,16
5	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô E	E	16,35	7,53
6	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô F	F	16,71	7,70
7	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô G	G	17,59	8,11
8	Xí nghiệp, nhà máy, kho xưởng lô H	H	19,94	9,19
9	Kho bãi, xưởng, logistics	BB-01	6,79	3,13
10	Kho bãi, xưởng, logistics	BB-02	6,07	2,80
II	Đất hành chính, dịch vụ (cơ quan, trụ		12,28	5,66

	sở, dịch vụ...)			
1	Đất cơ quan, trụ sở, dịch vụ 1	HCDV-01	4,66	2,15
2	Đất cơ quan, trụ sở, dịch vụ 2	HCDV-02	4,57	2,11
3	Đất cơ quan, trụ sở, dịch vụ 3	HCDV-03	3,05	1,41
III	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật		5,19	2,39
1	Cấp nước	CN	1,15	0,53
2	Cấp điện	CD	1,48	0,68
3	Xử lý nước thải	NT	2,56	1,18
IV	Đất cây xanh, mặt nước		22,39	10,32
1	Cây xanh, công viên	<i>CVCX</i>	5,79	2,67
2	Cây xanh cách lý	<i>CXCL</i>	16,45	7,58
3	Mặt nước (Đoạn kênh hai bên đường D1)	MN	0,15	0,07
V	Đất giao thông		26,79	12,35
1	Đường giao thông		21,81	10,04
1.1	<i>Đường giao thông khu công nghiệp</i>		21,78	10,037
1.2	<i>Đường dân sinh (Đường hoàn trả)</i>		0,03	0,003
2	Bãi xe	BX	1,00	0,46
3	Âu thuyền	AT	3,98	1,83
B	ĐẤT HẠ TẦNG ĐỐI NGOẠI		4,61	
1	Mặt nước (Đoạn kênh đào đầu nối với sông Mỹ Thanh)		1,19	
2	Đất hành lang bảo vệ kênh thủy lợi		2,29	
3	Đất giao thông đối ngoại		1,13	
TỔNG			221,61	

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: Cao độ nền không chế tối thiểu khu vực xây dựng công trình: $H \geq +2,95\text{m}$ (mốc cao độ quốc gia). Hướng dốc san nền chủ đạo dốc từ Đông Nam sang Tây Bắc, độ dốc san nền chung là 0,1% đảm bảo thoát nước tự nhiên về phía kênh thủy lợi và sông Mỹ Thanh với 5 lưu vực thoát nước chính, gồm:

- + Lưu vực 1: Hướng thoát chủ yếu ra Sông Mỹ Thanh.
- + Lưu vực 2: Hướng thoát chủ yếu ra kênh thủy lợi phía Tây khu quy hoạch.
- + Lưu vực 3: Hướng thoát chủ yếu ra kênh thủy lợi phía Tây khu quy hoạch.
- + Lưu vực 4: Hướng thoát chủ yếu ra kênh thủy lợi phía Đông khu quy hoạch.

+ Lưu vực 5: Hướng thoát chủ yếu ra kênh thủy lợi phía Đông khu quy hoạch.

- Thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống cống tròn D800÷D2.000 bố trí dọc theo hai bên các tuyến đường của khu công nghiệp để thoát nước. Hướng thoát nước chính về phía Sông Hậu, các kênh thủy lợi phía Đông và phía Tây.

6.2. Giao thông:

a) Giao thông đường bộ:

- Giao thông đối ngoại: Quốc lộ 91B với hành lang lộ giới 66m và Đường tỉnh 937B với hành lang lộ giới 46m là hai tuyến giao thông đối ngoại kết nối khu công nghiệp với các khu vực lân cận.

- Giao thông đối nội (theo bảng thống kê giao thông trong khu công nghiệp):

S T T	TÊN ĐƯỜNG	LÒNG ĐƯỜNG (m)	DÀI PHÂN CÁCH (m)	VỈA HÈ (m)	LỘ GIỚI (m)	CẤP ĐƯỜNG	LOẠI ĐƯỜNG
1	ĐƯỜNG D1	10,5x2	4	5x2	35	Cấp khu vực	Đường chính khu vực
2	ĐƯỜNG D1a	15	-	5x2	25	Cấp nội bộ	Đường phân khu vực
3	ĐƯỜNG D2	15	-	5x2	25	Cấp nội bộ	Đường phân khu vực
4	ĐƯỜNG D3	15	-	5x2	25	Cấp nội bộ	Đường phân khu vực
5	ĐƯỜNG D4	15	-	5x2	25	Cấp nội bộ	Đường phân khu vực
6	ĐƯỜNG D5	15	-	5x3	25	Cấp nội bộ	Đường phân khu vực
7	ĐƯỜNG N1	10,5x2	4	5x2	35	Cấp khu vực	Đường chính khu vực
8	ĐƯỜNG DALE	3,5		2x0,7 5	5	Đường thôn, áp	Đường giao thông nông thôn

- Khoảng lùi tối thiểu xây dựng được xác định cụ thể như sau:

+ Đối với trục giao thông chính (tuyến đường D1, N1) là 10,0m.

+ Đối với các tuyến giao thông còn lại (tuyến đường D1a, D2, D3, D4, D5) là 5,0m.

b) Giao thông đường thủy:

Sông Mỹ Thanh là tuyến giao thông kết nối, vận chuyển hàng hóa của khu công nghiệp theo đường thủy.

6.3. Cấp nước:

- Lưu lượng nước cấp: Tổng nhu cầu cấp nước cho khu quy hoạch được dự báo khoảng 8.590 m³/ngày-đêm.

- Nguồn cấp: Nguồn nước cấp được lấy từ trạm cấp nước của khu công nghiệp nằm phía Tây Bắc trên tuyến đường D3, công suất 8.600 m³/ngày-đêm.

- Hệ thống ống cấp: Sử dụng ống cấp có đường kính D110÷D400. Các trụ cứu hỏa được lắp đặt với khoảng cách giữa 2 trụ là 150m trên hệ thống đường ống có đường kính tối thiểu D110.

6.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải: Tổng lưu lượng nước thải của khu quy hoạch khoảng 5.127 m³/ngày-đêm.

- Giải pháp thoát nước: Hệ thống cống thoát nước thải của khu quy hoạch được thiết kế xây dựng riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Sử dụng Cống thoát nước có đường kính D300÷D500.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 5.200 m³/ngày-đêm cho khu công nghiệp. Nước thải từ khu vực sản xuất công nghiệp được xử lý đạt chuẩn theo đúng quy định ngay tại nơi sản xuất trước khi tập trung về trạm xử lý nước thải làm sạch theo tiêu chuẩn, sau đó thoát ra kênh thủy lợi.

b) Vệ sinh môi trường:

- Lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp bình quân của khu công nghiệp khoảng 65,10 tấn/ngày-đêm.

- Đảm bảo tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 98 - 99%. Hình thức thu gom, vận chuyển thải rắn công nghiệp được tổ chức thực hiện theo nhu cầu thực tiễn khi đưa vào khai thác khu công nghiệp.

6.5. Cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện dự báo là 43.811 kW.

- Nguồn cấp: Tại trạm cấp điện trên đường D5 của Khu công nghiệp (được dẫn từ Trạm biến áp 110KV/22KV Trần Đề cách khu vực lập quy hoạch khoảng 16Km) dẫn đường dây quanh các lô đất trong khu công nghiệp. Các nhà máy xí nghiệp sau khi đi vào hoạt động sẽ bố trí thêm các thiết bị phát điện dự phòng để đảm bảo hoạt động của xí nghiệp, nhà máy.

6.6. Thông tin liên lạc:

- Tổng số thuê bao dự kiến cho khu công nghiệp khoảng 6.000 thuê bao.

- Nguồn cấp: Từ tổng đài trung tâm Thị xã Vĩnh Châu xây dựng các tuyến cáp chính đến khu vực qua các trục Đường tỉnh 937B và Quốc Lộ 91B, từ đây sẽ có các tuyến cáp phân phối đưa đến các khu chức năng.

- Giải pháp thiết kế: Chọn cáp quang sử dụng cho mạng lưới viễn thông toàn khu, toàn bộ các tuyến cáp đều được ngầm hóa.

7. Danh mục các dự án đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Các dự án, công trình:

+ San lấp mặt bằng.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, thoát nước thải, thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc.....

+ Khu nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, kho bãi, xưởng dịch vụ, logisticsic.

+ Khu đất cơ quan, trụ sở, dịch vụ.

+ Đoạn nắn chỉnh lại kênh phía Tây khu vực quy hoạch.

+ Các công trình phụ trợ khác.

- Nguồn lực thực hiện:

Huy động mọi nguồn lực, tập trung chủ yếu vào các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, xã hội hóa để đầu tư phát triển, hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, gắn phát triển công nghiệp với phát triển xã hội, hạ tầng đô thị - dịch vụ kèm theo, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững.

8. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu xây dựng:

Lồng ghép Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu xây dựng và thực hiện quản lý theo thuyết minh tổng hợp của đồ án quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch và bàn giao đầy đủ bản vẽ, thuyết minh, file quy hoạch cho Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan lưu trữ và quản lý theo quy định.

- Quá trình thực hiện các quy trình, thủ tục tiếp theo để triển khai Khu công nghiệp Mỹ Thanh theo đúng quy định và ý kiến chỉ đạo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (tại Thông báo số 1177-TB/TU ngày 27/11/2023) và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (tại Công văn số 3332/UBND-XD ngày 29/11/2023).

2. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định; đồng thực hiện ý kiến chỉ đạo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (tại Thông báo số 1177-TB/TU ngày 27/11/2023) và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (tại Công văn số 3332/UBND-XD ngày 29/11/2023).

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trang TTĐT VP.UBND tỉnh;
- Lưu: XD, VT: *20/12*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Nghiệp
Lâm Hoàng Nghiệp